

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **224** /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày **25** tháng **12** năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 27/CV-CT ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại tổng hợp Ngọc Long về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 863/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại tổng hợp Ngọc Long, địa chỉ tại Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất gỗ nén năng lượng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất gỗ nén năng lượng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101046895; thay đổi lần thứ 04 ngày 15/07/2025; Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở tài chính tỉnh Quảng Trị.

1.4. Mã số thuế: 3101046895.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến viên gỗ nén năng lượng từ gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích Dự án: 14.160m².

- Công suất: 150.000 tấn sản phẩm/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu đầu vào → Băm, sàng, lọc kim loại, tạp chất → Nghiền thô → Sấy về độ ẩm <15% → Nghiền tinh → Ép viên → Làm mát → Sàng vụn → Đóng bao.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại tổng hợp Ngọc Long:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại tổng hợp Ngọc Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý khu kinh tế;
- UBND phường Đồng Thuận;
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại tổng hợp Ngọc Long;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **224** /GPMT-UBND
ngày **25** tháng **12** năm **2025** của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nước thải sinh hoạt
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh ở phía Tây Nam nhà xưởng;
 - Nước thải sản xuất
 - + Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 01 (nước xả đáy lò hơi);
 - + Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 02 (nước xả đáy lò hơi);
 - + Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 01.
 - + Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 02.
- Nước thải phát sinh từ nguồn số 02, 03, 04, 05 được tuần hoàn tái sử dụng

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nguồn số 01: Hồ điều hòa, tổ dân phố 8, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.

Nguồn số 02, 03, 04, 05 được tuần hoàn tái sử dụng 100% cho hoạt động sản xuất của nhà máy.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí điểm xả nước thải (Nguồn số 01): Tổ dân phố 8, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 1934510,6$; $Y(m) = 561526,1$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106^0 múi chiều 3^0).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có đồng hồ đo lưu lượng, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất (Nguồn số 01): $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	1 năm/lần	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤35		
3	COD	mg/l	≤90		
4	TSS	mg/l	≤60		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) tính theo N	mg/l	≤8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤2,5		
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml hoặc CFU/100ml	≤5000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤5,0		
12	Clo dư	mg/l	≤ 2,0		
13	Chloroform	mg/l	≤0,8		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Đối với nước thải xám được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

+ Đối với nước thải đen được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

- Đối với nước thải từ hoạt động sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình xả cặn lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi (Nguồn số 02, 03, 04, 05) được thu gom, xử lý tại chỗ (lắng cặn), sau đó tuần hoàn tái sử dụng 100% cho quá trình xử lý khí thải, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt (Nguồn số 01):

+ Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: Nước thải → Bể thu gom → Bể xử lý SBR → Bể khử trùng → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B) trước khi thoát ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 5 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

- Đối với nước thải từ hoạt động sản xuất (Nguồn số 02, 03, 04, 05):

+ Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất: Nước thải → Bể lắng 2 ngăn → Nước thải tách tuần hoàn tái sử dụng.

+ Công suất thiết kế: 5 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện vận hành và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước; Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Vận hành thử nghiệm dự kiến từ tháng 06/2027 đến tháng 09/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải nêu tại mục 1.2 phần B phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải.

- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Việc quan trắc nước thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt (Nguồn số 01) phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Đối với nước thải sản xuất (Nguồn số 02, 03, 04, 05) phải thu gom, xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi tái sử dụng không xả thải ra môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế, UBND phường Đồng Thuận và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- 
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.
 - Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.
 - Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đều được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

- Chủ Dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu, phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **224** /GPMT-UBND

ngày **25** tháng **12** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 01.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 02.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ quạt hút 01 công đoạn nghiền tinh.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ quạt hút 02 công đoạn nghiền tinh.
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ quạt hút 03 công đoạn nghiền tinh.
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ quạt hút 04 công đoạn nghiền tinh.
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ quạt hút 01 công đoạn ép viên, sàng viên sau nén và làm mát viên nén.
- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ quạt hút 02 công đoạn ép viên, sàng viên sau nén và làm mát viên nén.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 8 dòng bụi, khí thải sau hệ thống xử lý. Tọa độ vị trí xả khí thải theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106⁰ múi chiều 3⁰ cụ thể:

- Dòng thải số 01 (Nguồn số 01): Tọa độ: X(m): 1934679,1; Y(m): 561380,5.
- Dòng thải số 02 (Nguồn số 02): Tọa độ: X(m): 1934676,1; Y(m): 561390,8.
- Dòng thải số 03 (Nguồn số 03): Tọa độ: X(m): 1934607,2; Y(m): 561465,3.
- Dòng thải số 04 (Nguồn số 04): Tọa độ: X(m): 1934601,2; Y(m): 561465,9.
- Dòng thải số 05 (Nguồn số 05): Tọa độ: X(m): 1934601,1; Y(m): 561462,2.
- Dòng thải số 06 (Nguồn số 06): Tọa độ: X(m): 1934601,6; Y(m): 561452,8.
- Dòng thải số 07 (Nguồn số 07): Tọa độ: X(m): 1934603,9; Y(m): 561431,1.

- Dòng thải số 08 (Nguồn số 08): Toạ độ: X(m): 1934612,9; Y(m): 561433,5.

2.2. Lưu lượng xả khí thải phát sinh lớn nhất: Tổng lưu lượng xả khí thải phát sinh lớn nhất là 193.200 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C tại Bảng 1, Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Nguồn số 01, 02					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	3 tháng/lần	Không áp dụng
2	Áp suất	Pa	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
4	Bụi	mg/Nm ³	≤60		
5	CO	mg/Nm ³	≤350		
6	SO ₂	mg/Nm ³	≤250		
7	NO _x	mg/Nm ³	≤300		
8	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤2		
Nguồn số 03, 04, 05, 06, 07, 08					
1	Lưu lượng	m ³ /s	-	3 tháng/lần	Không áp dụng
2	Áp suất	Pa	-		
3	Nhiệt độ	°C	-		
4	Bụi	mg/Nm ³	≤100		
5	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤2		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải, bụi

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi, công đoạn nghiền tinh, công đoạn ép viên, sàng viên sau nén và làm mát viên nên được thu gom dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải để xử lý trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01

+ Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclone lọc bụi thô → Tháp lọc bụi ướt → Quạt hút → Ống khói → Môi trường tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.

- Nguồn số 02

+ Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclone lọc bụi thô → Tháp lọc bụi ướt → Quạt hút → Ống khói → Môi trường tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 40.000 m³/giờ.

- Nguồn số 03

+ Quy trình công nghệ: Bụi → Bộ phận lọc bụi → Quạt hút → Ống thải → Môi trường tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 28.000m³/giờ.

- Nguồn số 04

+ Quy trình công nghệ: Bụi → Bộ phận lọc bụi → Quạt hút → Ống thải → Môi trường tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 28.000m³/giờ.

- Nguồn số 05

+ Quy trình công nghệ: Bụi → Bộ phận lọc bụi → Quạt hút → Ống thải → Môi trường tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 28.000m³/giờ.

- Nguồn số 06

+ Quy trình công nghệ: Bụi → Bộ phận lọc bụi → Quạt hút → Ống thải → Môi trường tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 28.000m³/giờ.

- Nguồn số 07

+ Quy trình công nghệ: Bụi → Bộ phận lọc bụi → Quạt hút → Ống thải → Môi trường tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 600m³/giờ.

- Nguồn số 08

+ Quy trình công nghệ: Bụi → Bộ phận lọc bụi → Quạt hút → Ống thải → Môi trường tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: $600\text{m}^3/\text{giờ}$.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, vệ sinh lò hơi, các thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải, vệ sinh đường ống thoát khí.
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.
- Công nhân vận hành hệ thống được tham gia lớp huấn luyện, đào tạo về quy trình vận hành. Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.
- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống.
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, sửa chữa, khắc phục kịp thời, bảo đảm không xả thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không xả thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí.
- Vận hành đúng quy trình hệ thống xử lý bụi và khí thải. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường liên quan.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Vận hành thử nghiệm dự kiến từ tháng 06/2027 đến tháng 09/2027.
- Trước khi vận hành thử nghiệm 10 ngày có kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, giám sát, kiểm tra theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải, bụi tại mục 1.2 phần B phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

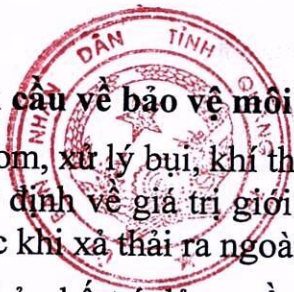
Tại 8 ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất quan trắc

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Việc quan trắc khí thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.



3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **224** /GPMT-UBND
ngày **25** tháng **12** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực băm, nghiền thô.
- Nguồn số 02: Tại khu vực nghiền tinh nguyên liệu.
- Nguồn số 03: Tại khu vực ép viên, sàng viên nén.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ *Tiếng ồn:*

TT	Khoảng thời gian và giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

+ *Độ rung:*

TT	Khoảng thời gian và giá trị tối đa cho phép đối với mức rung (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Chú trọng công tác bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết; đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

- Trồng cây xanh theo quy hoạch để hạn chế tác động của tiếng ồn, độ rung.
- Có quy chế quản lý các hoạt động phát sinh tiếng ồn lớn, khống chế độ ồn, thời gian hoạt động.
- Các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án phải hạn chế phát sinh tiếng ồn để tránh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **224** /GPMT-UBND
 ngày **25** tháng **12** năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 02	10
2	Các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	2
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	10
6	Các loại dầu thủy lực thải khác	17 01 07	100
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	25
	Tổng cộng		150

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	5
2	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại.	16 01 10	2
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	18 01 01	3
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	18 01 03	10
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu	18 02 01	10

	tại các mã khác), giặt lại, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại		
	Tổng cộng		30

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Tro từ lò hơi	233.600
2	Bụi mịn từ hệ thống thu hồi bụi	54.750
3	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	240
4	Bùn từ hệ thống xử lý khí thải	4.320
	Tổng cộng	292.910

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên khoảng 21 kg/ngày đêm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng lưu chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích 3m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho kín, tường xây gạch chịu lực, cửa kho kín, nền bê tông xi măng đảm bảo khô thoáng, có gờ tại cửa kho cao hơn mặt sàn của kho, lắp đặt biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, thiết bị phòng cháy chữa cháy; trong kho bố trí xẻng, cát để xử lý trong trường hợp chất thải nguy hại chảy tràn trong kho.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu chứa: Diện tích 10m².

- Tro từ lò hơi định kỳ hàng tháng hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bụi mịn từ hệ thống thu hồi bụi sẽ được thu gom tái sử dụng cho dây chuyền sản xuất viên nén.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải, bùn từ hệ thống xử lý khí thải sẽ được thu gom định kỳ. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho lưu chứa: Diện tích 3m².

- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy, có dán nhãn tại các khu vực chức năng của dự án để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định.

- Thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải theo đúng quy định.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ lon, chai, các loại giấy... sẽ được thu gom riêng để bán cho các đơn vị thu mua làm vật liệu tái chế;

- Các loại chất thải rắn sinh hoạt khác hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải; thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định liên quan.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **224** /GPMT-UBND
ngày **25** tháng **12** năm **2025** của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
4. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyên giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo đúng quy định.
5. Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của Dự án; đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của Dự án.
6. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành.
7. Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.
8. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường.
9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.